



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT



# MỤC LỤC

- + HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN**
- + GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY**
- + BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
- + BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**
- + BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
- + CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**
- + CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN**
- + ĐIỂM NỔI BẬT & VĂN HÓA DOANH NGHIỆP**
- + DANH BẠ FPT TELECOM VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN**

## HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN

### QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom) là Trung tâm FPT Internet (FPT Online Exchange - FOX), thành lập ngày 31/3/1997 tại Hà Nội.

- Năm 1999:** FPT Telecom cung cấp dịch vụ thiết kế và lưu trữ website.
- Năm 2001:** Thành lập tờ báo điện tử đầu tiên tại Việt Nam - VnExpress.net vào ngày 26/2/2001.
- Năm 2002:** Trở thành nhà cung cấp kết nối Internet IXP (Internet Exchange Provider).
- Năm 2003:** Trung tâm FPT Internet được chuyển đổi thành Công ty Truyền thông FPT (FPT Communications) và thành lập chi nhánh tại TP HCM. Tháng 8/2003, được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet trong viễn thông OSP (Online Service Provider); cung cấp dịch vụ thẻ Internet Phone, Internet băng thông rộng tại Hà Nội và TP HCM.
- Năm 2004:** Mở thêm nhiều đường kết nối Internet quốc tế.
- Năm 2005:** Công ty Truyền thông FPT được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom), được cấp Giấy phép thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông vào tháng 9. Đồng thời, ký hợp đồng độc quyền phát hành các trò chơi trực tuyến gồm Priston Tale (trị giá 2,1 triệu USD) và MU (2,9 triệu USD).
- Năm 2006:** FPT Telecom được cấp các Giấy phép triển khai thử nghiệm dịch vụ Wimax và thiết lập mạng cung cấp dịch vụ viễn thông cố định nội hạt.
- Năm 2007:** Tháng 10 và tháng 12, FPT Telecom được cấp Giấy phép thiết lập mạng cung cấp dịch vụ viễn thông liên tỉnh và cổng kết nối quốc tế, và Giấy phép thiết lập mạng thử nghiệm dịch vụ Wimax. Đặc biệt, Công ty đã trở thành thành viên chính thức của Liên minh AAG (Asia America Gateway - nhóm các công ty viễn thông hai bên bờ Thái Bình Dương), tham gia đầu tư vào tuyến cáp quang quốc tế trên biển Thái Bình Dương.
- Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FPT Online). Đồng thời, để mở rộng thị trường, FPT Telecom đã lập các chi nhánh tại Hải Phòng, Đồng Nai, Bình Dương.
- Năm 2008:** FPT Telecom được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP (VoIP). Đồng thời, thành lập Công ty TNHH Truyền thông FPT, Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT và Công ty TNHH Truyền thông Tương tác FPT (iTV).

**Năm 2009:** Bà Chu Thị Thanh Hà được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty FPT Telecom vào tháng 8.

FPT Telecom đã triển khai thành công dự án thử nghiệm công nghệ Wimax di động với tần số 2,3 Ghz; Triển khai gói dịch vụ viễn thông Triple Play - tích hợp 3 dịch vụ trên cùng một đường truyền (truy cập Internet, điện thoại cố định và truyền hình Internet)...

2009 được coi là năm mở mang bờ cõi của FPT Telecom khi mở rộng địa bàn tại hàng loạt tỉnh, thành gồm: Nghệ An, Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang (Khánh Hòa), Bắc Ninh, Buôn Mê Thuột (Đắk Lắk), Thái Nguyên, Kiên Giang, Bình Thuận, Huế, An Giang, Đà Lạt (Lâm Đồng), Nam Định, Quảng Ninh và Thanh Hóa.

Đến cuối năm 2009, FPT Telecom có mặt tổng cộng tại 22 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

**Năm 2010:** Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Trung, thuộc FPT Telecom, chính thức được thành lập vào tháng 1. Động thái này nằm trong chiến lược mở rộng vùng phủ của FPT Telecom, nhằm mục đích đem đến nhiều sự lựa chọn về sản phẩm dịch vụ viễn thông chất lượng cao cho người dân miền Trung.

Ngày 1/9, FPT Telecom trở thành đơn vị viễn thông đầu tiên được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép thử nghiệm công nghệ LTE (Long Term Evolution - gọi tắt là 4G).

Từ tháng 1 đến tháng 7/2010, FPT Telecom mở thêm 12 chi nhánh tại: Bình Định, Tiền Giang, Cà Mau, Bắc Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Gia Lai, Phú Yên, Tây Ninh, Phú Thọ, ... Tính đến cuối năm 2010, FPT Telecom đã mở rộng vùng phủ với 36 chi nhánh tại các tỉnh, thành trên toàn quốc.

**Năm 2011:** Tháng 6 khởi công dự án xây dựng tòa nhà Tân Thuận 2 tại Khu chế xuất Tân Thuận, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh với tổng kinh phí đầu tư khoảng 220 tỷ đồng. Tháng 9 khởi công dự án tuyến trục Bắc - Nam. Đây là dự án tuyến trục backbone đầu tiên của FPT Telecom.

Thực hiện tái cấu trúc các đơn vị thành viên trong lĩnh vực Broadband theo định hướng tập trung hóa, nâng cao hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh.

**Năm 2012:** Ông Nguyễn Văn Khoa được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty FPT Telecom vào tháng 3.

Hoàn thiện và đưa vào sử dụng tuyến đường trục Bắc - Nam có tốc độ thiết kế 4 terabit/giây kéo dài từ Lạng Sơn đến Cà Mau với tổng dài các tuyến cáp liên tỉnh đạt 4.000 km đi qua 30 tỉnh thành.

Trong năm, FPT Telecom cũng được Chính phủ chấp thuận chủ trương tham gia hợp tác đầu tư dự án Hệ thống cáp quang biển châu Á - Thái Bình Dương

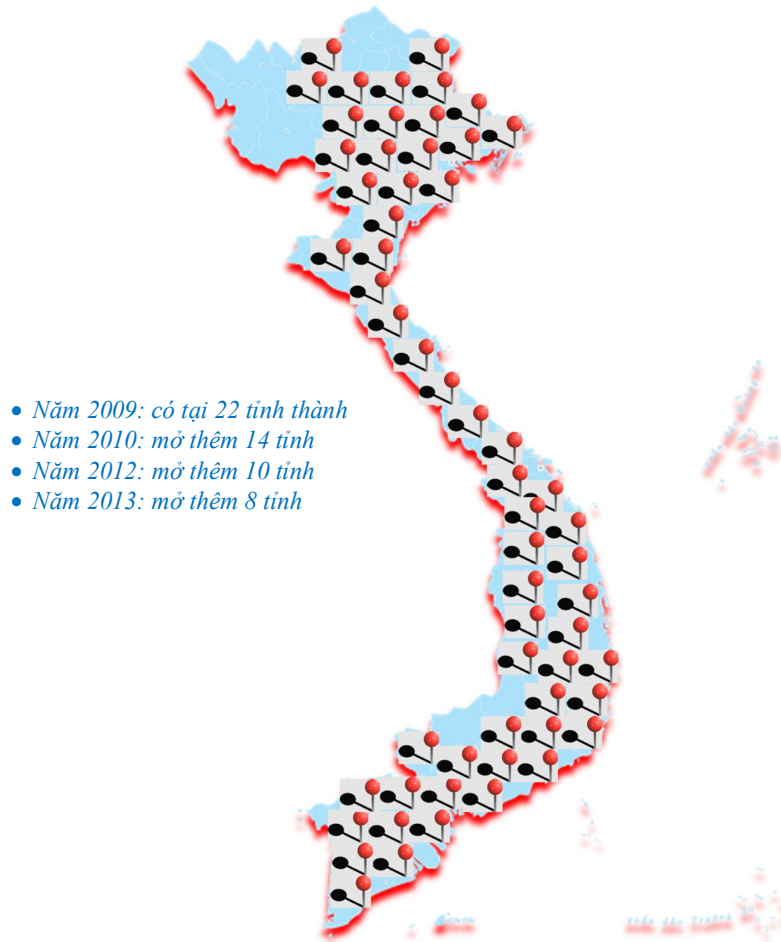
(APG). Đầu tư vào tuyến cáp này, FPT Telecom sẽ có thêm phương án bảo vệ và duy trì sự ổn định cho hạ tầng mạng viễn thông quốc tế.

**Năm 2013:** Hoàn thiện tuyến đường trục Bắc – Nam mạch B chiều dài 3.600 km; hoàn thiện tuyến đường trục quốc tế đầu tiên kết nối với Lào.

Tháng 4 FPT Telecom chính thức cung cấp thiết bị và dịch vụ giải trí FPT Play HD cho phép người dùng thưởng thức các nội dung theo yêu cầu với chất lượng tốt nhất tại nhà.

Tháng 8 nhận giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình cáp. Với lợi thế là một trong 3 ISP hàng đầu tại Việt Nam, FPT Telecom có nhiều ưu thế trong việc cung cấp thêm dịch vụ truyền hình cáp tới khách hàng.

Mở rộng vùng phủ ra 54 tỉnh thành trên toàn quốc.



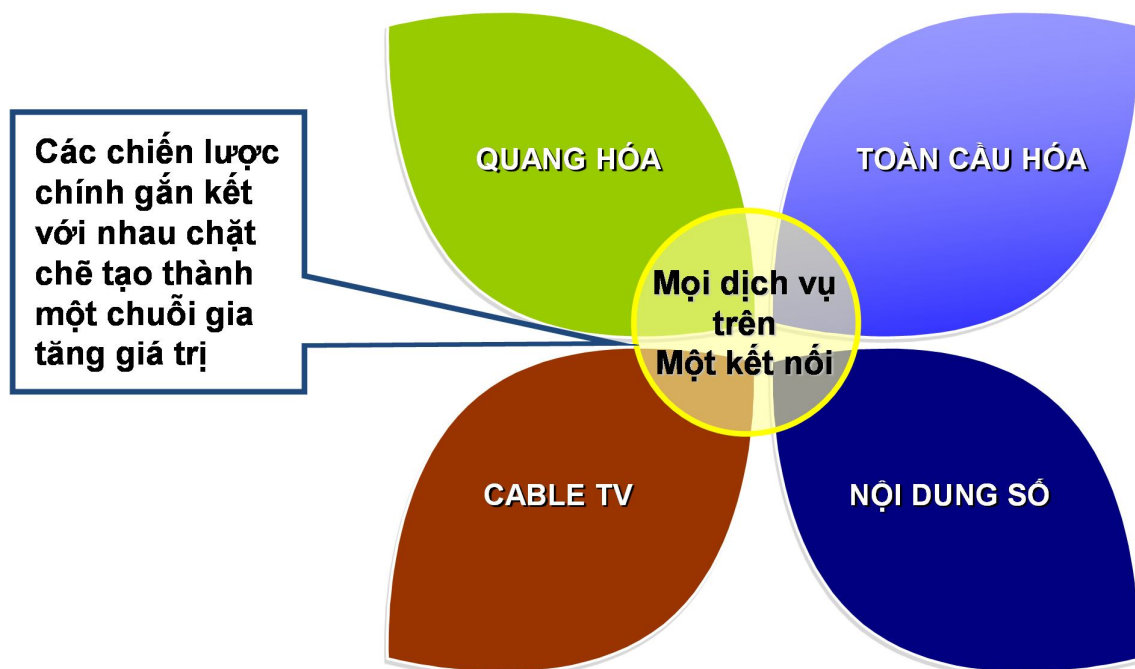
## LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Cung cấp hạ tầng mạng viễn thông cho dịch vụ Internet băng thông rộng.
- Đại lý cung cấp các sản phẩm, dịch vụ viễn thông, Internet.
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Dịch vụ tin nhắn, dữ liệu, thông tin giải trí trên mạng điện thoại di động.
- Đại lý, cung cấp trò chơi trực tuyến trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Đại lý cung cấp các dịch vụ truyền hình, phim ảnh, âm nhạc trên mạng Internet, điện thoại di động.
- Thiết lập hạ tầng mạng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, Internet (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).
- Xuất nhập khẩu thiết bị mạng viễn thông và Internet.
- Dịch vụ viễn thông cố định nội hạt: dịch vụ điện thoại, fax, dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ truyền dẫn tín hiệu truyền hình, dịch vụ thuê kênh, dịch vụ telex, dịch vụ điện báo.
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ fax giá tăng giá trị, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử, dịch vụ chuyển đổi mã và giao thức, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng.
- Dịch vụ viễn thông cố định đường dài trong nước.
- Dịch vụ viễn thông cố định quốc tế.
- Dịch vụ phát hành phim ảnh, giải trí, giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và Internet.
- Cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền bao gồm dịch vụ truyền hình cáp (công nghệ số, tương tự) và dịch vụ truyền hình IPTV.

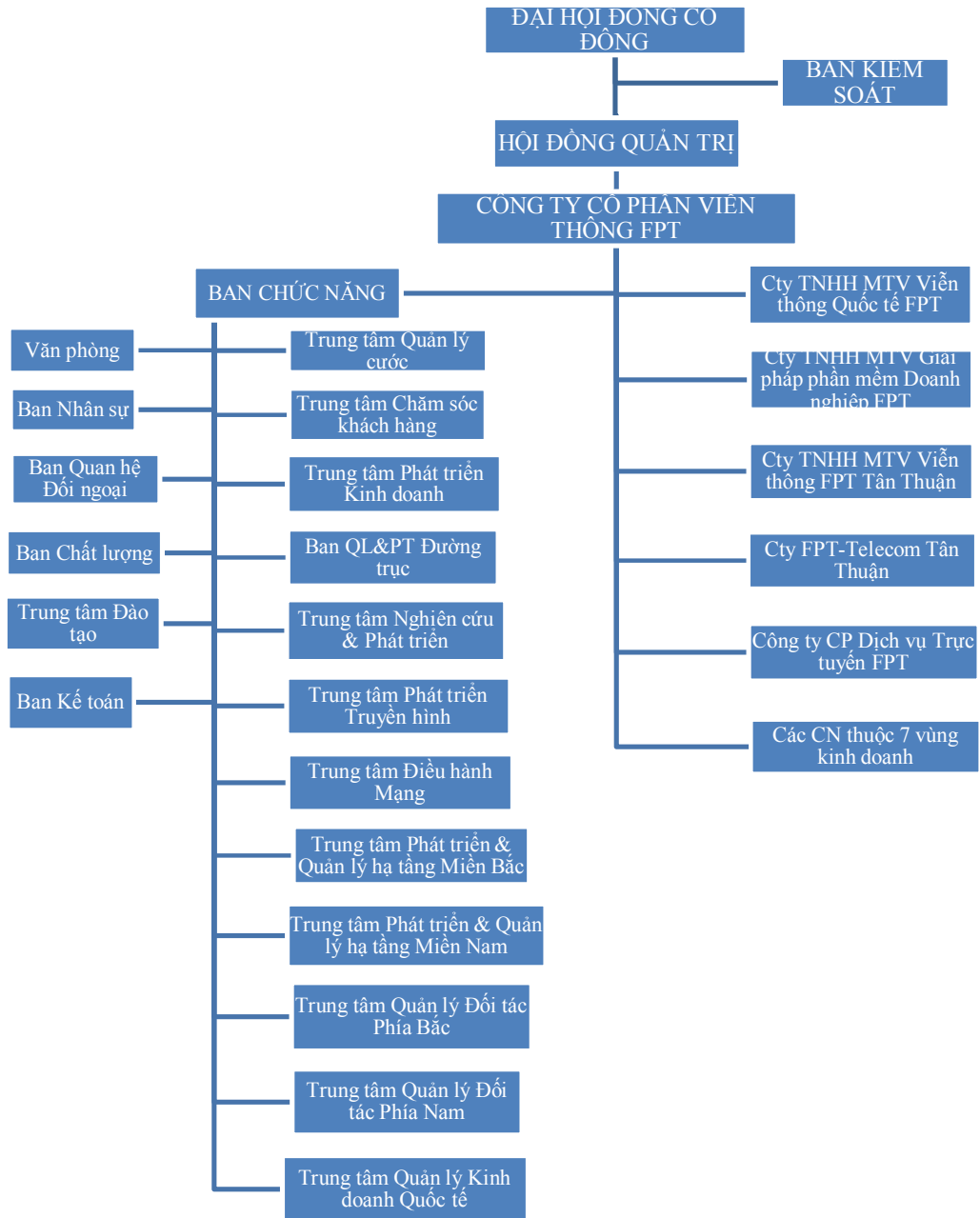


## **ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC**

- **Kết nối mọi lúc, mọi nơi:** Khách hàng có thể kết nối với FPT Telecom một cách đa dạng qua cáp (ADSL, Fiber), WiFi, Wimax.
- **Cung cấp mọi dịch vụ trên một kết nối:** FPT Telecom tích hợp mọi dịch vụ có thể cung cấp dưới dạng điện tử và truyền dẫn đến khách hàng như Voice, Video, Data.
- **Xây dựng cộng đồng và nền tảng:** Hợp nhất cộng đồng người dùng; Phát triển và vận hành hệ thống nền tảng cung cấp dịch vụ điện tử tất cả các đối tác cùng khai thác cộng đồng chung.
- **Trở thành Nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đầy đủ và Nội dung số thế hệ mới.**



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **BÀ CHU THỊ THANH HÀ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Bà Chu Thị Thanh Hà, sinh năm 1974, gia nhập FPT từ năm 1995.

Tham gia FPT Telecom từ ngày đầu thành lập, bà có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của FPT Telecom, góp phần đưa FPT Telecom trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: PGĐ Trung tâm Internet FPT (1999); PTGD FPT Telecom (2003); Phó Chủ tịch HĐQT FPT Telecom (2008); TGD FPT Telecom (2009). Hiện bà là Chủ tịch HĐQT FPT Telecom kiêm PTGD FPT. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1994 và lấy bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Hawaii-Manoa (Mỹ) năm 2006.

### **ÔNG TRƯƠNG ĐÌNH ANH - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Đình Anh, sinh năm 1970, gia nhập FPT năm 1993.

Năm 1997, được bổ nhiệm làm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Trực tuyến (FOX), tiền thân của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (FPT Telecom). Hơn 10 năm qua, dưới sự điều hành của ông, FPT Telecom đã trở thành một trong những công ty viễn thông hàng đầu Việt Nam.

Ông là cha đẻ của mạng Intranet đầu tiên và có nhiều người dùng nhất ở Việt Nam (Trí Tuệ Việt Nam - TTVN), là một trong những người sáng lập VnExpress.net - tờ báo điện tử đầu tiên và hàng đầu Việt Nam. Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 1992.

### **ÔNG TRƯƠNG GIA BÌNH - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Gia Bình sinh năm 1956. Sáng lập ra FPT năm 1998, ông là nhà tổ chức, người tập hợp lực lượng của FPT. Với tầm nhìn xa, ông luôn đưa ra những định hướng chiến lược có tính bước ngoặt cho sự phát triển của FPT.

Ông được bình chọn là một trong 10 nhân vật tiêu biểu của ngành công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) Việt Nam giai đoạn 2000-2009 do các nhà báo trọng lĩnh vực ICT bình chọn. Ông là Chủ tịch Hiệp hội Phần mềm Việt Nam và đóng góp nhiều ý kiến cho các lãnh đạo Việt Nam trong việc hoạch định chính sách phát triển ngành công nghệ thông tin ở Việt Nam. Hiện, Ông là Chủ tịch HĐQT FPT. Ông tốt nghiệp khoa Toán cơ, Đại học Tổng hợp Quốc gia Moscow mang tên Lomonosov (Nga) năm 1979 và bảo vệ luận án tiến sĩ tại trường đại học này năm 1982.

### **ÔNG BÙI QUANG NGỌC - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Quang Ngọc, sinh năm 1956, một trong 13 thành viên sáng lập của Tập đoàn FPT.

Trong suốt quá trình phát triển của FPT, ông Ngọc luôn là người đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn hiệu quả và chuẩn xác, theo đúng các quy chuẩn chất lượng quốc tế.

Ông được bầu chọn là một trong 10 lãnh đạo Công nghệ thông tin (CIO) xuất sắc nhất Đông Dương năm 2005. Hiện, Ông là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD FPT. Ông tốt nghiệp khoa Toán, Đại học Tổng hợp Kishinhov (Moldova) năm 1979 và bảo vệ luận án tiến sĩ về Cơ sở dữ liệu tại Đại học Grenoble (Pháp) năm 1986.

**ÔNG NGUYỄN VĂN KHOA - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Khoa, sinh năm 1977, gia nhập FPT từ cuối năm 1997.

Từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom từ năm 2000 đến nay như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Giám đốc CN Hải Phòng, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Viễn thông Quốc tế FPT. Tháng 5/2010, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom và tháng 1/2012 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc FPT Telecom. Ông tốt nghiệp cử nhân Kinh tế ngành Du lịch, Đại học Kinh tế Hà Nội năm 1997

**ÔNG LÊ HUY CHÍ - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Huy Chí sinh năm 1976. Ông công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) và hiện giữ chức vụ Trưởng Ban Đầu tư IV. Ông được SCIC đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2013-2018. Ông tốt nghiệp khoa Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại Thương năm 1997. Năm 2001, ông nhận bằng thạc sĩ Tài chính và Kinh doanh Quốc tế, Đại học Tổng hợp Columbia, Mỹ.

**ÔNG NGUYỄN HẢI VINH - Ủy viên Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hải Vinh sinh năm 1984, hiện đang công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) với vị trí chuyên viên Ban Đầu tư IV. Ông được SCIC đề cử vào HĐQT FPT nhiệm kỳ 2013-2018. Ông tốt nghiệp cử nhân thương mại, chuyên ngành tài chính bảo hiểm, Đại học New South Wales (Úc) năm 2006. Năm 2012 ông nhận bằng thạc sĩ Tài chính, Đại học Stanford, Mỹ.

**BAN KIỂM SOÁT****ÔNG ĐỖ SƠN GIANG - Trưởng Ban Kiểm soát**

Ông Đỗ Sơn Giang, sinh năm 1973, gia nhập FPT từ năm 1997.

Trong thời gian 2003-2006, ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT. Năm 2007, ông là Trưởng Ban Kế hoạch tài chính Công ty Cổ phần FPT. Hiện tại, ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT. Ông Đỗ Sơn Giang tốt nghiệp Học viện Ngân hàng năm 1995.

**ÔNG PHAN PHƯƠNG ĐẠT - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Phan Phương Đạt, sinh năm 1971, gia nhập FPT từ năm 1999, phụ trách nhân sự và đào tạo tại Công ty Cổ phần Phần mềm FPT. Hiện tại, ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhân sự và Truyền thông Công ty Cổ phần Phần mềm FPT.

Ông tốt nghiệp khoa Toán và Điều khiển học, Đại học Quốc gia Moldova (Nga) năm 1994 và bảo vệ luận án tiến sĩ Toán học tại Viện Hàn lâm Khoa học Moldova năm 1999.

**ÔNG CAO DUY HÀ - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Cao Duy Hà sinh năm 1984, hiện đang công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) với chức vụ Phó phòng Văn phòng điều hành SCIC. Ông tốt nghiệp cử nhân danh dự, chuyên ngành Kinh tế, Đại học New South Wales (Úc) và cử nhân Tài chính – Ngân hàng, Đại học Newcastle (Úc).

## BAN GIÁM ĐỐC

### **ÔNG NGUYỄN VĂN KHOA - Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Khoa, sinh năm 1977, gia nhập FPT từ cuối năm 1997.

Từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng tại FPT Telecom từ năm 2000 đến nay như: Phó Giám đốc Kinh doanh khu vực phía Bắc, Giám đốc Trung tâm Quản lý hạ tầng, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng... Tháng 1/2008, ông được bổ nhiệm vào vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT (FPT Telecom International - FTI). Tháng 5/2010, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom và tháng 1/2012 ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Ông tốt nghiệp cử nhân Kinh tế ngành Du lịch, Đại học Kinh tế Hà Nội năm 1997

### **ÔNG NGUYỄN HOÀNG LINH - Phó Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Linh, sinh năm 1978, gia nhập FPT năm 2008 và giữ chức Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Công ty TNHH FPT Telecom Miền Nam.

Ông là Giám đốc Tài chính FPT Telecom từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012. Tháng 1/2012, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Ông tốt nghiệp khoa Kinh tế, Đại học Ngoại Thương năm 2000. Năm 2006, ông nhận Chứng chỉ Kiểm toán viên Nội bộ Quốc tế, do Hiệp hội Kiểm toán viên Nội bộ Quốc tế cấp.

### **BÀ VŨ THỊ MAI HƯƠNG - Phó Tổng Giám đốc**

Bà Vũ Thị Mai Hương, sinh năm 1971, gia nhập FPT từ năm 1993.

Đến nay, bà đã từng kinh qua nhiều vị trí ở FPT Telecom như Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FPT Telecom International – FTI), Phó Ban nhân sự FPT Telecom. Tháng 4/2011, bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Bà tốt nghiệp Đại học Bách Khoa, Hà Nội.

### **ÔNG HOÀNG TRUNG KIÊN - Phó Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Trung Kiên, sinh năm 1978, gia nhập FPT từ năm 2000.

Từ tháng 3/2007 đến tháng 1/2008, ông giữ chức vụ Phó Giám đốc 4T của FPT Telecom. Sau đó, ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí thuộc FPT Telecom: Phó Giám đốc Trung tâm dữ liệu Internet, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH IDS, Giám đốc chi nhánh Hà Nội 1, Giám đốc Trung tâm phát triển kinh doanh, Giám đốc điều hành kinh doanh vùng Hà Nội và vùng Tây Bắc Bộ. Tháng 7/2012, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Ông tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội năm 2000 và lấy bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Đại học Tổng hợp Tự do Bruxelles năm 2005.

### **ÔNG CHU HÙNG THẮNG - Phó Tổng Giám đốc**

Ông Chu Hùng Thắng, sinh năm 1978, gia nhập FPT từ năm 1998.

Trong thời gian 2001-2007, ông làm việc tại Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT với các vị trí Trưởng phòng kỹ thuật triển khai, Phó giám đốc Trung tâm FIS 3. Năm 2008 ông chuyển sang FPT Telecom giữ chức vụ Giám đốc chi nhánh Hà Nội 3. Sau đó, ông lần lượt đảm nhiệm qua nhiều vị trí thuộc FPT Telecom: Giám đốc điều hành kinh doanh vùng 2 (Tây

Bắc Bộ), vùng 3 (Đông Bắc Bộ) và vùng 1 (Hà Nội). Tháng 12/2013, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc FPT Telecom.

Ông tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội, chuyên ngành Điện tử Viễn thông năm 2001. Ông đã hoàn thành chương trình Mini MBA của FSB năm 2012.

### **BÀ ĐỖ THỊ HƯƠNG - Kế toán trưởng**

Bà Đỗ Thị Hương, sinh năm 1973, gia nhập FPT 1994.

Năm 2004, bà giữ chức Trưởng phòng Kế toán của Công ty Cổ phần FPT.

Năm 2005, bà chuyển sang FPT Telecom với vị trí Kế toán trưởng.

Bà tốt nghiệp ngành Tài chính kế toán, Đại học Tài chính Kế toán, năm 1994.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Kính thưa Quý Cổ đông

Năm 2013 tiếp tục là một năm khó khăn, nhiều bất ổn và biến động phức tạp đối với kinh tế trong nước và thế giới. Khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt. Ở trong nước, các khó khăn, bất cập chưa được giải quyết gây áp lực lớn cho sản xuất kinh doanh: hàng tồn kho ở mức cao, sức mua yếu, tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc giải thể... Tăng trưởng GDP trong năm 2013 ước đạt 5,42%, cao hơn mức tăng trưởng của năm 2012 nhưng thấp hơn mục tiêu đề ra (5,5%).

### TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2013

Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới còn nhiều khó khăn, thách thức, để thực hiện tốt các mục tiêu và kế hoạch đề ra của năm 2013, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh, nắm bắt kịp thời các vấn đề phát sinh, tích cực và chủ động đưa các định hướng chiến lược, giải pháp đồng bộ đem lại kết quả khả quan. Doanh thu toàn Công ty đạt 4.302 tỷ đồng, hoàn thành 103,7% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty đạt 969 tỷ đồng, tăng trưởng 8,3% và hoàn thành 91,4% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế toàn Công ty đạt 769 tỷ đồng, tăng 4,0% so với năm 2012. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 7.273 đồng/cổ phần, tăng 8,6% so với năm trước. Tổng tài sản của toàn Công ty đạt trên 3.244 tỷ đồng, tăng 28% tương đương 705 tỷ đồng so với năm trước do đẩy mạnh đầu tư hạ tầng viễn thông với hàng nghìn km tuyến trục Bắc-Nam được đưa vào sử dụng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng tòa nhà văn phòng tại Khu chế xuất Tân Thuận, nâng cấp Datacenter tại Hà Nội và Tp HCM, ... Tính đến thời điểm 31/12/2013 vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.536 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước, trong đó vốn điều lệ không thay đổi ở mức 997 tỷ đồng. Tổng số nhân sự của toàn Công ty tính đến cuối năm 2013 là 5.118 người (2012: 4.677 người).

Lĩnh vực Broadband vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong thời gian qua. Doanh thu đạt 2.295 tỷ đồng, tăng trưởng 19,0% và chiếm 53,3% tổng doanh số của FPT Telecom. Công ty tiếp tục chiến lược mở rộng vùng phủ với việc mở thêm 8 chi nhánh mới trong năm 2013, đẩy mạnh phát triển kinh doanh và khai thác hạ tầng đã đầu tư và hiện có mặt tại 54 tỉnh thành trên toàn quốc.

Lĩnh vực Leased-line (cho thuê kênh), Datacenter, Server domain & hosting đạt doanh thu 958 tỷ đồng, tăng 19,7% so với năm 2012 và chiếm 22,2% tổng doanh số toàn Công ty. Công ty tiếp tục duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực internet băng thông rộng và dịch vụ khách hàng doanh nghiệp tại Việt Nam với vị trí số 1 trong lĩnh vực domain hosting, vị trí số 2 trong lĩnh vực datacenter, vị trí thứ 3 trong lĩnh vực internet, voice và leased line.

Lĩnh vực Contents (nội dung số) đạt doanh thu 1.048 tỷ đồng, chiếm 24,3% tổng doanh thu của Công ty. So với năm trước, doanh thu giảm mạnh 42,4% do Công ty thực hiện cắt giảm một số mảng kinh doanh không hiệu quả như thương mại điện tử Ecommerce, thẻ viễn thông, .... Bên cạnh đó, doanh thu từ dịch vụ quảng cáo và game online sụt giảm do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, doanh nghiệp cắt giảm ngân sách chi tiêu trong lĩnh vực quảng cáo, đồng thời nhà nước vẫn hạn chế cấp phép game mới trong khi game lậu và sự cạnh tranh ngày càng gia tăng trong lĩnh vực game trực tuyến.

Song song với việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh, Công ty cũng không ngừng đầu tư phát triển các sản phẩm dịch vụ mới và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng. Các dịch vụ mới như Fshare, FPT HD Play, FPT HD box, IP Camera, Video Conference, QueHuong TV, ... bước đầu đã gặt hái một số thành công nhất định. Công ty hoàn thành và đạt chứng chỉ quốc tế Tier 3 đối với Datacenter tại Tân Thuận và Cầu Giấy. Bên cạnh đó, trong năm 2013 Công ty đã tổ chức trên 300 khóa đào tạo, triển khai thành công chương trình “Mùa hè xanh” và chương trình “Đi một ngày đàng học một sàng khôn” góp phần nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ tại địa phương, cải thiện chất lượng dịch vụ. Tháng 8/2013, Công ty được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền. Đây là một thành công lớn, một bước ngoặt trong hoạt động kinh doanh của Công ty, mở ra một kỷ nguyên mới cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

Có thể nói, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế thế giới và tình hình sản xuất kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn, việc duy trì được sự tăng trưởng ổn định và vượt bậc của FPT Telecom là một kết quả rất ấn tượng. Kết quả trên khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả trong các định hướng, quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Công ty và sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên FPT Telecom trong năm 2013.

## **KẾ HOẠCH NĂM 2014**

Mục tiêu của FPT Telecom là trở thành một tập đoàn viễn thông trong khu vực. Trong giai đoạn 2014-2018, định hướng chiến lược của Công ty sẽ tập trung vào 4 nội dung chính, đó là:

- Tiếp tục mở rộng vùng phủ trong nước và đẩy mạnh phát triển kinh doanh ra nước ngoài (Campuchia, Lào, Myanmar, ...);
- Đầu tư làm chủ hạ tầng, nâng cấp và cải tạo hạ tầng đảm bảo chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh;
- Triển khai thành công dịch vụ truyền hình trả tiền trên toàn quốc (CATV);
- Đầu tư và phát triển các dịch vụ nội dung số và giá trị gia tăng như FPT HD, Fshare, IP Camera, Managed Service TSI,... phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong tương lai.

Công ty dự kiến sẽ mở thêm 3-5 chi nhánh tỉnh và phát triển 200.000 thuê bao Internet mới trên toàn quốc trong năm tới. Kế hoạch kinh doanh năm 2014 của FPT Telecom là doanh thu đạt 4.685 tỷ đồng, tăng trưởng 9%, lợi nhuận trước thuế đạt 965 tỷ đồng tương đương năm trước.

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Chu Thị Thanh Hà**

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### KHẢ NĂNG SINH LỜI

	2010	2011	2012	2013
Lãi gộp/Doanh thu	50,05%	45,03%	39,12%	49,27%
Lợi nhuận thuần/Doanh thu	24,46%	22,96%	19,60%	22,51%
Lãi ròng/Doanh thu	21,04%	19,11%	16,22%	17,89%
ROA	22,27%	24,07%	26,29%	22,34%
ROE	39,54%	53,47%	49,97%	47,18%

### HỆ SỐ THANH TOÁN

	2010	2011	2012	2013
Hệ số thanh toán hiện thời	1,16	1,14	1,16	1,00
Hệ số thanh toán nhanh	1,02	1,08	1,06	0,90

### THAY ĐỔI VỀ VỐN CỔ PHẦN

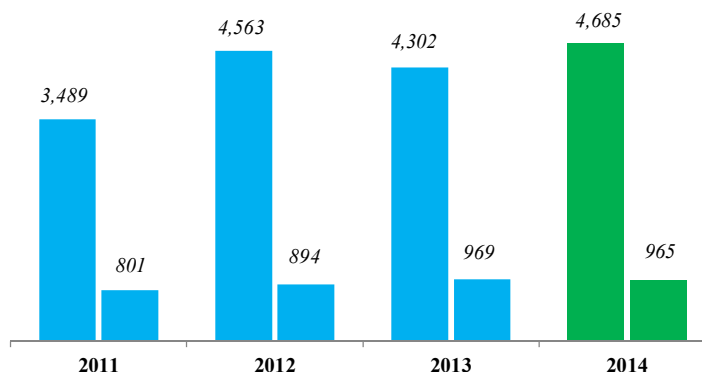
Trong năm 2013, FPT Telecom không có thay đổi về vốn điều lệ. Tính đến thời điểm 31/12/2013, vốn điều lệ của Công ty là 997.015.350.000 đồng.

### TỔNG SỐ CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2013

	Số lượng	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng
Cổ phiếu phổ thông	99.515.020	995.150.200.000	99,81%
Cổ phiếu ưu đãi	159.000	1.590.000.000	0,16%
Cổ phiếu quỹ	27.515	275.150.000	0,03%
<b>Tổng số cổ phiếu</b>	<b>99.701.535</b>	<b>997.015.350.000</b>	<b>100,00%</b>

### KẾ HOẠCH NĂM 2014

Năm 2014, FPT Telecom đặt mục tiêu doanh thu 4.685 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 965 tỷ đồng.

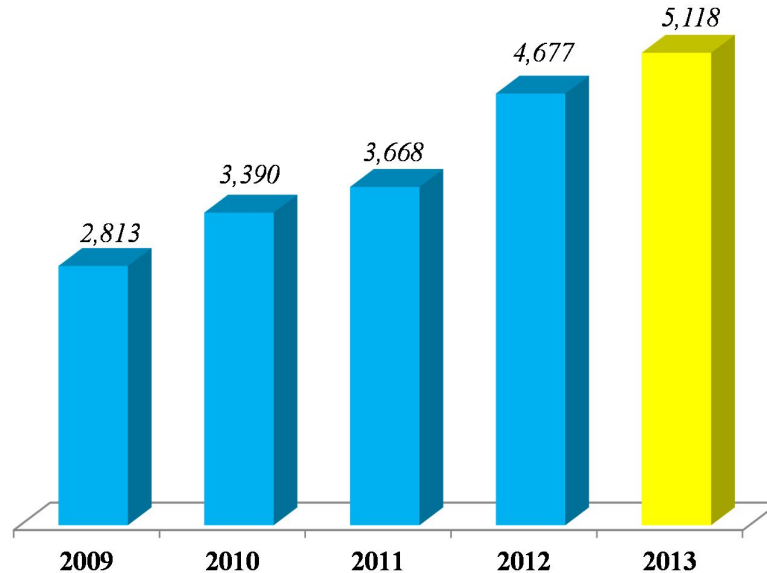




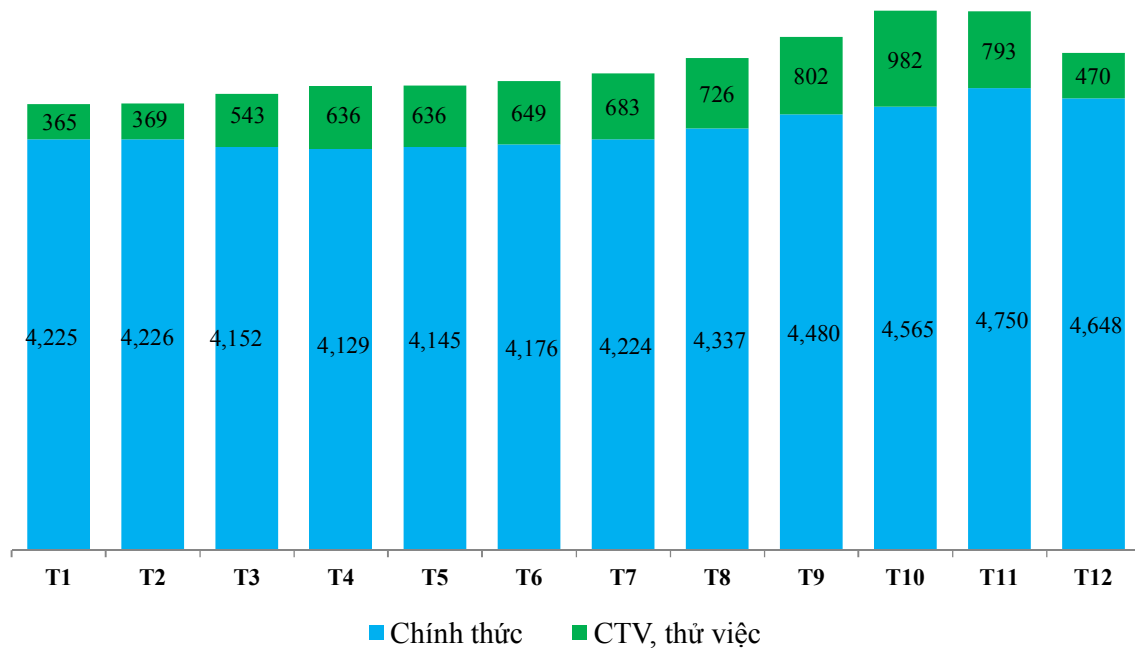
## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tính đến cuối năm 2013, tổng số cán bộ nhân viên (CBNV) của FPT Telecom là 5.118 người, tăng 9,4% so năm 2012, với độ tuổi trung bình 27,2. Số lượng CBNV tăng đáng kể do FPT Telecom trong hai năm qua công ty liên tục mở rộng vùng phủ, xây dựng và phát triển các chi nhánh mới trên toàn quốc. Tính đến thời điểm cuối năm 2013, FPT Telecom đã có mặt tại 54 tỉnh thành phố trên toàn quốc với trên 100 văn phòng, điểm giao dịch.

Số lượng tăng trưởng nhân sự qua các năm như sau:



Biểu đồ tăng trưởng nhân sự tại các công ty thành viên trong năm 2013:



## Cơ cấu trình độ cán bộ

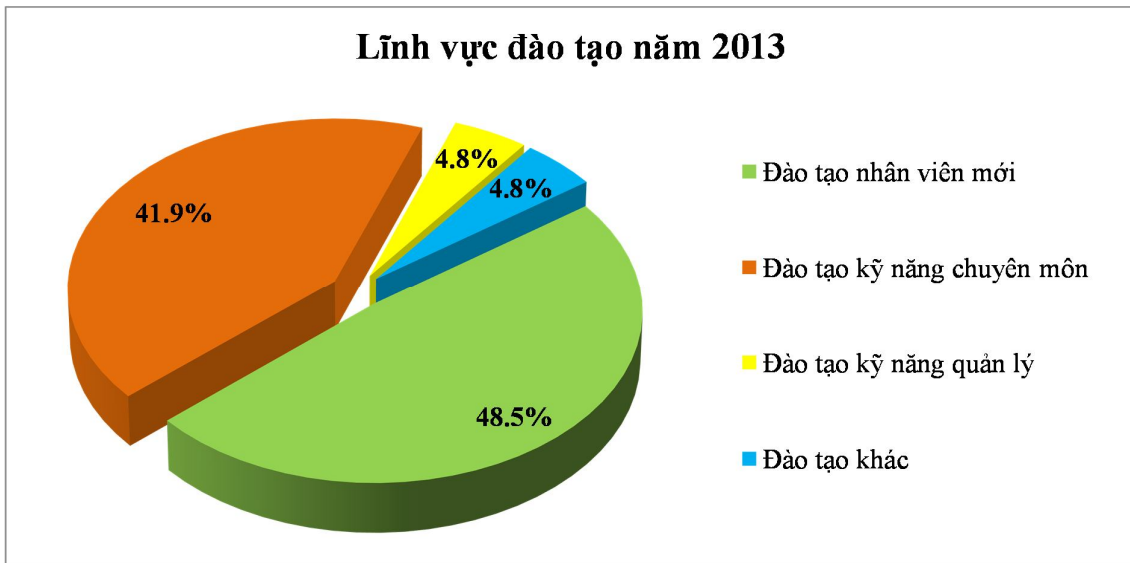


### Các chỉ số nhân sự FTEL 2013

- Tỷ lệ nam/nữ:** **1.85** (năm 2012: 2)
- Tuổi trung bình:** **27.21 tuổi** (năm 2012: 27.07)
- Thâm niên:** **2.5 năm** (năm 2012: 2.40)
- Trình độ:**
  - Trên Đại học (**34 NV**) : **0.76%** ▲ 0.03% (2012: 27 NV)
  - Đại học (**2,323 NV**) : **51.62%** ▲ 3.17% (2012: 1.806 NV)
  - Dưới Đại học (**2,143 NV**): **47.62%** ▼ 3.20% (2012: 1.894 NV)

## Công tác đào tạo, tuyển dụng

- Tổ chức trên 500 khóa đào tạo nội bộ với trên 8.300 lượt học viên tham dự
- Triển khai thành công chương trình “Mùa hè xanh” và chương trình “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”.



## ĐIỂM NỔI BẬT & VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

### NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT

- Năm 2007**
- Huy chương Vàng Đơn vị CNTT-TT Việt nam 2006 do Hội Tin Học TP HCM trao tặng.
  - Giải Nhì “Game Online ưa chuộng nhất trong năm” dành cho game MU do bạn đọc báo Echip bình chọn.
  - Bằng khen “Vì thành tích đóng góp cho sự phát triển Internet Việt Nam giai đoạn 1997-2007” do Bộ Thông tin và Truyền thông trao tặng.
  - VnExpress.net được tạp chí Thế Giới Vi Tính bình chọn là “Báo điện tử tiếng Việt được ưa chuộng nhất trên mạng Internet”.
- Năm 2008**
- Giải thưởng “Trang thông tin được ưa chuộng nhất 2008” dành cho Báo điện tử VnExpress.net do độc giả tạp chí Thế Giới Vi Tính bình chọn.
  - Bằng khen “Vì thành tích phát triển tên miền Internet Việt Nam trong năm 2007” do Bộ Thông tin Truyền Thông trao tặng.
  - Giải thưởng “Game Online được mong đợi nhất mùa hè năm 2007”, “Game mới phát hành được ưa chuộng nhất năm 2007” do bạn đọc tạp chí VietGame bình chọn.
  - Giải thưởng “Game online thành công nhất năm 2007” do bạn đọc GameThu.net bình chọn.
- Năm 2009**
- Giải Nhất (First Prize) “Sản phẩm CNTT-TT ưa chọn nhất” do bạn đọc tạp chí Thế Giới Vi Tính bình chọn.
- Năm 2010**
- Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc Tế (FPT Telecom International) được Nhà nước trao tặng Giấy khen cho Nhà đăng ký có số lượng tên miền đăng ký lớn nhất Việt Nam, tiếp tục giữ vị trí số 1 tại Việt Nam về thị phần tên miền trong Hội nghị Tổng kết 2010 của Trung tâm Internet Việt Nam (thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông).
  - FPT Telecom được trao tặng Bằng khen về thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các chỉ tiêu thi đua phát triển sản xuất kinh doanh năm 2010 của Vụ Tổ chức cán bộ, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
  - Năm 2010, báo điện tử VnExpress.net được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen vì “Thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ tham gia diễu, duyệt binh đại lễ 1000 năm Thăng Long Hà Nội”. Đồng thời, Chủ tịch UBND TP Hà Nội tặng Bằng khen vì “Đã có thành tích trong hoạt động kỷ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội”.
- Năm 2011**
- VnExpress lần thứ 4 được bình chọn là trang tin trực tuyến được yêu thích nhất.
  - Báo VnExpress nhận bằng khen về thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây

dựng và phát triển ngành CNTT Việt Nam nhân dịp kỷ niệm 10 năm thành lập báo.

- Năm 2012**
- Giải thưởng “Huy chương vàng đơn vị Internet, viễn thông 2012” do Hội Tin học TP HCM trao tặng.
  - Danh hiệu Sao khuê 2012 dành cho các sản phẩm: Dịch vụ Internet băng thông rộng ADSL; Dịch vụ Internet cáp quang (FTTH); Dịch vụ FPT Telecom - Trung tâm dữ liệu (Data Center); Dịch vụ FPT Telecom - Tên miền/Lưu trữ (Domain/Hosting).
  - Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
  - Dịch vụ viễn thông, truyền hình cáp của FPT Telecom đã được người tiêu dùng bình chọn dịch vụ được hài lòng nhất.
- Năm 2013**
- Giải thưởng “Doanh nghiệp dịch vụ được hài lòng nhất 2013” do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất lượng cao phối hợp cùng báo Sài Gòn Tiếp Thị và Trung tâm Nghiên cứu Kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp (BSA) tổ chức.
  - Bằng khen của UBND Tp. HCM, cờ thi đua của UBND Tp. Hà Nội về thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển ngành CNTT.
  - Danh hiệu Sao Khuê 2013 cho 6 sản phẩm: Dịch vụ Lưu trữ /Tên miền FPT Telecom - Domain/Hosting; Dịch vụ Máy chủ Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom - Data Center; Dịch vụ lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trực tuyến Fshare.vn; Dịch vụ giám sát 247; Dịch vụ Internet Băng thông rộng ADSL và Dịch vụ Internet Cáp quang FTTH.
  - Giải thưởng CNTT-TT TP HCM đối với sản phẩm OneTV/FPT Play HD.



## VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



*Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức cuộc thi ViOlympic và các chương trình “Đồng hành cùng ViOlympic”*



*Vui Tết Trung thu cùng các bé thiếu nhi*



*Các hoạt động từ thiện, chia sẻ yêu thương, đồng hành cùng người nghèo*

*Tài trợ cuộc thi Miss Ngôi Sao 2013*





**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### **Hội đồng Quản trị**

Bà Chu Thị Thanh Hà	Chủ tịch
Ông Trương Đình Anh	Thành viên
Ông Trương Gia Bình	Thành viên
Ông Lê Quang Tiến	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hải Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2013)
Ông Bùi Quang Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên

### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Khoa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Hùng Thắng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2013)

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Vũ Thị Mai Hương**  
**Phó Tổng Giám đốc**

*Ngày 27 tháng 02 năm 2014*

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2014, từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thủy Ngọc  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 27 tháng 02 năm 2014  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Xuân Ánh  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0723-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*
**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1.100.102.264.933</b>	<b>950.870.370.884</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>349.356.715.281</b>	<b>354.218.442.833</b>
1. Tiền	111		70.798.995.296	182.971.661.297
2. Các khoản tương đương tiền	112		278.557.719.985	171.246.781.536
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	4.000.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>487.588.647.213</b>	<b>400.977.646.013</b>
1. Phải thu khách hàng	131		582.784.030.016	460.071.826.319
2. Trả trước cho người bán	132		24.010.714.824	27.763.139.720
3. Các khoản phải thu khác	135		11.911.276.662	10.003.588.711
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(131.117.374.289)	(96.860.908.737)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>118.582.059.695</b>	<b>82.934.682.551</b>
1. Hàng tồn kho	141		118.582.059.695	82.934.682.551
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>140.574.842.744</b>	<b>108.739.599.487</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.800.746.045	48.923.669.120
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.081.940.869	41.229.789.546
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.563.059.075	13.633.428.748
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.129.096.755	4.952.712.073
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>2.144.520.355.403</b>	<b>1.587.995.828.178</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.856.358.766.409</b>	<b>1.390.772.643.283</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.531.525.386.310	1.065.658.080.207
- Nguyên giá	222		3.026.439.544.530	2.300.100.509.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.494.914.158.220)	(1.234.442.428.886)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	167.215.029.903	161.194.217.127
- Nguyên giá	228		253.301.670.627	232.325.143.615
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(86.086.640.724)	(71.130.926.488)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	157.618.350.196	163.920.345.949
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.065.327.543</b>	<b>11.065.327.543</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.065.327.543	11.065.327.543
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>227.465.023.891</b>	<b>175.764.849.598</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		143.494.413.853	120.738.956.612
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		80.453.319.449	51.395.198.940
3. Tài sản dài hạn khác	268		3.517.290.589	3.630.694.046
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>49.631.237.560</b>	<b>10.393.007.754</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.244.622.620.336</b>	<b>2.538.866.199.062</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*
**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.582.288.028.699</b>	<b>1.060.514.086.549</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.582.103.416.315</b>	<b>1.060.423.086.549</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	-	-
2. Phải trả người bán	312		479.825.348.319	333.077.578.635
3. Người mua trả tiền trước	313		70.566.396.195	52.282.987.416
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	87.571.730.844	62.719.540.594
5. Phải trả người lao động	315		3.073.510.943	-
6. Chi phí phải trả	316		253.535.389.156	203.461.792.599
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	115.614.846.263	65.905.324.446
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	14	84.467.135.178	103.189.715.896
9. Doanh thu chưa thực hiện	338		487.449.059.417	239.786.146.963
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>184.612.384</b>	<b>91.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		184.612.384	91.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>1.536.692.817.942</b>	<b>1.335.678.129.055</b>
<b>I. Vốn cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>1.536.692.817.942</b>	<b>1.335.678.129.055</b>
1. Vốn điều lệ	411		997.015.350.000	997.015.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.652.995.729	7.261.938.154
3. Cổ phiếu quỹ	414		(275.150.000)	(201.630.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		532.299.622.213	331.602.470.901
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>15</b>	<b>125.641.773.695</b>	<b>142.673.983.458</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>3.244.622.620.336</b>	<b>2.538.866.199.062</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT</b>			<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Ngoại tệ các loại (USD)			1.197.514	4.938.065



Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

Ngày 27 tháng 02 năm 2014



Đỗ Thị Hương  
Kế toán trưởng



Wu Thi Mai Hương  
Phó Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*
**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.312.514.004.115	4.568.301.565.117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.627.487.114	5.518.719.463
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>17</b>	<b>4.301.886.517.001</b>	<b>4.562.782.845.654</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	2.182.438.067.805	2.777.895.846.699
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.119.448.449.196</b>	<b>1.784.886.998.955</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	23.996.535.002	54.276.608.498
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	20	5.651.876.362	3.007.385.976
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.123.139.242	-
8. Chi phí bán hàng	24		302.255.112.423	223.070.743.352
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		867.130.653.903	718.658.849.830
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>968.407.341.510</b>	<b>894.426.628.295</b>
11. Thu nhập khác	31		17.779.591.331	3.474.793.551
12. Chi phí khác	32		17.575.402.448	3.442.897.006
13. <b>Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>204.188.883</b>	<b>31.896.545</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>968.611.530.393</b>	<b>894.458.524.840</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	228.278.399.338	163.120.885.129
16. (Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	22	(29.106.347.177)	(8.702.727.696)
17. <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>769.439.478.232</b>	<b>740.040.367.407</b>
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		44.525.716.393	72.662.380.058
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		724.913.761.839	667.377.987.349
18. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>7.273</b>	<b>6.698</b>



 Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập



 Đỗ Thị Hương  
 Kế toán trưởng

 Vũ Thị Mai Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

*Ngày 27 tháng 02 năm 2014*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013*
**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>968.611.530.393</b>	<b>894.458.524.840</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	312.651.063.253	270.923.734.261
- Các khoản dự phòng	03	34.256.465.552	32.636.977.410
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(20.415.480.332)	(48.654.665.098)
- Chi phí lãi vay	06	1.123.139.242	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>1.296.226.718.108</b>	<b>1.149.364.571.413</b>
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(118.027.652.620)	(143.222.823.453)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(35.647.377.144)	(19.021.293.485)
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	188.343.926.062	98.141.660.730
- Thay đổi chi phí trả trước và tài sản khác	12	(47.922.758.813)	(18.706.831.376)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.123.139.242)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(195.904.003.659)	(180.813.361.992)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(396.401.803)	(700.447.920)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.085.549.310.889</b>	<b>885.041.473.917</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(677.253.083.871)	(540.510.964.061)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.938.391.761	2.113.969.247
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.065.327.543)
4. Tiền thu hồi cho vay của đơn vị khác	24	-	14.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	20.670.912.216	52.406.965.518
6. Tiền chi mua lại phần vốn góp của các cổ đông thiểu số		(45.920.974.281)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(696.564.754.175)</b>	<b>(477.055.356.839)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ của công ty mẹ	31	-	1.280.450.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông, mua lại cổ phiếu của công ty mẹ đã phát hành	32	(73.520.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	74.514.675.251	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(74.514.675.251)	-
5. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(393.772.764.266)	(780.802.026.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(393.846.284.266)</b>	<b>(779.521.576.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(4.861.727.552)</b>	<b>(371.535.458.922)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>354.218.442.833</b>	<b>725.753.901.755</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>349.356.715.281</b>	<b>354.218.442.833</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 236.464.139.711 VND (năm 2012: 122.367.462.340 VND), là số tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



 Nguyễn Thị Thu Hương  
 Người lập

Ngày 27 tháng 02 năm 2014



 Đỗ Thị Hương  
 Kế toán trưởng



 Vũ Thị Mai Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101778163 ngày 30 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, là bản sửa đổi lần thứ 16 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008784 ngày 28 tháng 7 năm 2005.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31/12/2013 là 5.118 (31/12/2012: 4.677).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ ADSL, cho thuê đường truyền, tên miền và lưu trữ dữ liệu, quảng cáo trực tuyến, trò chơi trực tuyến và các dịch vụ trực tuyến khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên bộ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.



#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm theo (VAS11 - Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và công nợ tài chính khác.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

###### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

###### **Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

###### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**
**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2013</b>
	<b>(Số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản khác	3 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**
***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, giấy phép và quyền khai thác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Năm 2013</b>
	<b>(Số năm)</b>
Phần mềm máy vi tính	25
Giấy phép	3 - 10
Quyền khai thác đường truyền internet tốc độ cao - dự án Asia America Gateway (“AAG”)	3 - 6

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Ghi nhận doanh thu**

###### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### Doanh thu dịch vụ viễn thông

Doanh thu cung cấp dịch vụ viễn thông được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian mà các dịch vụ thực tế được cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu từ bán thẻ internet và thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

###### Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ quảng cáo trực tuyến được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian quảng cáo ghi trong hợp đồng.

##### **Thuê hoạt động**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

##### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

##### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận khi có các khoản đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm nhưng thực tế chưa chi trả trong năm này.

Chi phí phải trả của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí hạ ngầm cáp viễn thông, chi phí thuê kênh, chi phí thuê cột điện, và chi phí thuê hạ tầng và chi phí lương chưa chi trả.

##### **Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện ghi nhận các khoản khách hàng trả trước tiền cước dịch vụ viễn thông trong nhiều kỳ tính cước và khoản khách hàng trả trước tiền thuê văn phòng tại khu chế xuất Tân Thuận cho nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được phân bổ vào doanh thu hoạt động kinh doanh hàng tháng khi khách hàng sử dụng dịch vụ.

##### **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.671.702.000	5.051.628.605
Tiền gửi ngân hàng	69.127.293.296	177.920.032.692
Các khoản tương đương tiền	278.557.719.985	171.246.781.536
	<b><u>349.356.715.281</u></b>	<b><u>354.218.442.833</u></b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	8.152.149.931	1.130.627.404
Nguyên vật liệu tồn kho	-	793.262.507
Công cụ, dụng cụ	12.891.598.459	5.692.443.358
Hàng hóa	97.538.311.305	75.318.349.282
	<b><u>118.582.059.695</u></b>	<b><u>82.934.682.551</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b><u>118.582.059.695</u></b>	<b><u>82.934.682.551</u></b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	57.640.535.119	1.616.718.065.374	41.025.138.432	576.334.803.110	8.381.967.058	2.300.100.509.093
Tăng trong năm	91.427.679.254	631.530.097.688	11.297.438.765	39.676.438.965	299.013.256	774.230.667.928
Tăng do mua sắm hoàn thành	4.445.337.676 86.982.341.578	562.491.544.675 69.038.553.013	6.225.615.283 5.071.823.482	39.676.438.965 -	299.013.256 -	613.137.949.855 161.092.718.073
Phân loại lại	(877.255.408)	41.924.740.382	(1.098.975.639)	(39.948.509.335)	-	-
Giảm trong năm	-	2.231.798.545	553.363.636	45.106.470.310	-	47.891.632.491
Thanh lý, nhượng bán	-	1.085.502.969	553.363.636	9.569.752.292	-	11.208.618.897
Giảm khác	-	1.146.295.576	-	35.536.718.018	-	36.683.013.594
Tại ngày 31/12/2013	148.190.958.965	2.287.941.104.899	50.670.237.922	530.956.262.430	8.680.980.314	3.026.439.544.530
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	11.786.834.398	787.269.723.669	17.512.235.141	414.537.035.372	3.336.600.306	1.234.442.428.886
Tăng trong năm	4.432.483.852	233.403.819.532	2.881.600.375	52.866.432.265	1.639.193.763	295.223.529.787
Khấu hao trong năm	4.432.483.852	233.403.819.532	2.881.600.375	52.866.432.265	1.639.193.763	295.223.529.787
Phân loại lại	(475.091.061)	31.120.199.676	(785.871.568)	(29.859.237.047)	-	-
Giảm trong năm	-	1.562.083.168	183.406.966	33.006.310.319	-	34.751.800.453
Thanh lý, nhượng bán	-	691.197.611	183.406.966	3.700.493.842	-	4.575.098.419
Giảm khác	-	870.885.557	-	29.305.816.477	-	30.176.702.034
Tại ngày 31/12/2013	15.744.227.189	1.050.231.659.709	19.424.556.982	404.537.920.271	4.975.794.069	1.494.914.158.220
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2013	132.446.731.776	1.237.709.445.190	31.245.680.940	126.418.342.159	3.705.186.245	1.531.525.386.310
Tại ngày 31/12/2012	45.853.700.721	829.448.341.705	23.512.903.291	161.797.767.738	5.045.366.752	1.065.658.080.207

Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị khoảng 632.130 triệu VND (31/12/2012: khoảng 646.090 triệu VND).

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép và quyền khai thác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	-	217.928.447.385	14.396.696.230	232.325.143.615
Tăng trong năm	10.393.120.000	8.598.767.204	2.029.084.564	21.020.971.768
Tăng do mua trong năm	10.393.120.000	8.598.767.204	2.029.084.564	21.020.971.768
Phân loại lại	282.000.000	(5.971.316.479)	5.689.316.479	-
Giảm trong năm	-	27.323.438	17.121.318	44.444.756
Giảm khác	-	27.323.438	17.121.318	44.444.756
Tại ngày 31/12/2013	<b>10.675.120.000</b>	<b>220.528.574.672</b>	<b>22.097.975.955</b>	<b>253.301.670.627</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	-	64.837.583.539	6.293.342.949	71.130.926.488
Tăng trong năm	-	13.288.969.920	1.711.189.072	15.000.158.992
Khấu hao trong năm	-	13.288.969.920	1.711.189.072	15.000.158.992
Phân loại lại	-	(7.674.176.476)	7.674.176.476	-
Giảm trong năm	-	27.323.438	17.121.318	44.444.756
Giảm khác	-	27.323.438	17.121.318	44.444.756
Tại ngày 31/12/2013	-	<b>78.099.230.021</b>	<b>7.987.410.703</b>	<b>86.086.640.724</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2013	<b>10.675.120.000</b>	<b>142.429.344.651</b>	<b>14.110.565.252</b>	<b>167.215.029.903</b>
Tại ngày 31/12/2012	-	<b>153.090.863.846</b>	<b>8.103.353.281</b>	<b>161.194.217.127</b>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tòa nhà văn phòng FPT Telecom Tân Thuận	-	123.311.486.796
Dự án cáp biển APG	115.159.526.748	22.993.261.939
Hệ thống đường trục Bắc Nam (tuyến B)	34.831.378.215	8.296.503.658
Khác	7.627.445.233	9.319.093.556
	<b>157.618.350.196</b>	<b>163.920.345.949</b>

## 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (FOC)	408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	59,12%	Cung cấp dịch vụ Game online, báo điện tử, thanh toán điện tử
Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông FPT Tân Thuận	Lô 37 - 39A, đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet tốc độ cao và các dịch vụ viễn thông khác
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT (FTI)	Phòng G6, tầng 1, tòa nhà Etown, số 2, 364 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Cung cấp dịch vụ internet, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông và các dịch vụ khác
Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT (FPTSS)	153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất phần mềm

## 11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay có kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng TMCP Quân đội - CN Ba Đình với tổng số tiền vay là 74.514.675.251 VND. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất 6%/năm. Tại ngày 31/12/2013, toàn bộ nợ gốc và lãi vay đã được thanh toán.

## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	10.212.426.436	12.234.709.410
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	33.195.952	1.008.262.771
Thuế xuất, nhập khẩu	367.548	1.064.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.579.455.635	44.941.281.790
Các loại thuế khác	3.746.285.273	4.534.222.097
	<b>87.571.730.844</b>	<b>62.719.540.594</b>

## 13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cổ tức phải trả	100.225.776.783	287.826.500
Nhận tiền trả trước thuê tòa nhà văn phòng tại KCX Tân Thuận từ FTG	-	50.329.860.000
Phải trả khác	15.389.069.480	15.287.637.946
	<b>115.614.846.263</b>	<b>65.905.324.446</b>

## 14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty và công ty con đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền tương ứng là 83.086.445.973 VND theo Điều lệ của Công ty và công ty con. Tổng quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích năm 2012 đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty và công ty con phê duyệt trong năm 2013.



**15. VỐN CỔ ĐÔNG**
**Thay đổi trong vốn cổ đông**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>997.015.350.000</b>	<b>7.383.565.272</b>	<b>(1.482.080.000)</b>	<b>85.644.601.044</b>	<b>1.088.561.436.316</b>	<b>94.752.952.834</b>	<b>1.183.314.389.150</b>
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	30.887.960.000	<b>30.887.960.000</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	667.377.987.349	<b>667.377.987.349</b>	72.662.380.058	<b>740.040.367.407</b>
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	1.280.450.000	-	<b>1.280.450.000</b>	(97.690.000)	<b>1.182.760.000</b>
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(71.736.452.152)	<b>(71.736.452.152)</b>	(6.937.139.472)	<b>(78.673.591.624)</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(14.822.780.000)	<b>(14.822.780.000)</b>
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(348.903.050.500)	<b>(348.903.050.500)</b>	(33.973.494.000)	<b>(382.876.544.500)</b>
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	(121.627.118)	-	(80.166.920)	<b>(201.794.038)</b>	201.794.038	-
Biến động khác	-	-	-	(700.447.920)	<b>(700.447.920)</b>	-	<b>(700.447.920)</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>997.015.350.000</b>	<b>7.261.938.154</b>	<b>(201.630.000)</b>	<b>331.602.470.901</b>	<b>1.335.678.129.055</b>	<b>142.673.983.458</b>	<b>1.478.352.112.513</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	724.913.761.839	<b>724.913.761.839</b>	44.525.716.393	<b>769.439.478.232</b>
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(73.520.000)	-	<b>(73.520.000)</b>	(219.660.000)	<b>(293.180.000)</b>
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(78.533.598.336)	<b>(78.533.598.336)</b>	(4.552.847.637)	<b>(83.086.445.973)</b>
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(448.330.299.550)	<b>(448.330.299.550)</b>	(45.380.414.999)	<b>(493.710.714.549)</b>
Ảnh hưởng do thay đổi vốn cổ đông	-	391.057.575	-	(331.785.860)	<b>59.271.715</b>	(11.228.261.717)	<b>(11.168.990.002)</b>
Biến động khác	-	-	-	2.979.073.219	<b>2.979.073.219</b>	(176.741.803)	<b>2.802.331.416</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>997.015.350.000</b>	<b>7.652.995.729</b>	<b>(275.150.000)</b>	<b>532.299.622.213</b>	<b>1.536.692.817.942</b>	<b>125.641.773.695</b>	<b>1.662.334.591.637</b>

**15. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)**

Trong năm 2013, Công ty đã mua lại 7.352 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo Điều lệ của Công ty.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 997.015.350.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp tại ngày			
			31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
1. Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Ông Trương Gia Bình đại diện	50.009.343	50,16%	50.009.343	50,16%	50.009.343	50,16%
2. Công ty Cổ phần FPT Ông Lê Quang Tiến đại diện	40.305.935	40,43%	40.305.935	40,43%	40.305.935	40,43%
3. Các cổ đông khác	9.386.257	9,41%	9.358.742	9,39%	9.366.094	9,39%
	<b>99.701.535</b>	<b>100,00%</b>	<b>99.674.020</b>	<b>99,98%</b>	<b>99.681.372</b>	<b>99,98%</b>
Cổ phiếu quỹ			27.515	0,02%	20.163	0,02%
	<b>99.701.535</b>	<b>100%</b>	<b>99.701.535</b>	<b>100%</b>	<b>99.701.535</b>	<b>100%</b>

**16. CỔ TỨC**

Theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 8 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 với tỷ lệ 1.000 VND/cổ phiếu, với số tiền là 99.467.908.550 VND.

Theo thông báo của Hội đồng quản trị ngày 11 tháng 11 năm 2013, Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2013 với tỷ lệ 3.000 VND/cổ phiếu, với số tiền là 299.022.060.000 VND.

Bên cạnh đó, Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 02 tháng 4 năm 2013 phê duyệt việc trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2012 với số tiền là 398.743.381.500 VND, tỷ lệ trả cổ tức bằng tiền mặt là 4.000VND/cổ phiếu (trong đó phần đã tạm ứng trong năm 2012 với tỷ lệ là 3.500 VND/ cổ phiếu tương đương 348.903.050.500 VND và số chia trong năm 2013 là 500 VND/ cổ phiếu tương đương 49.840.331.000 VND).

**17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.312.514.004.115</b>	<b>4.568.301.565.117</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	285.451.515.681	1.090.537.451.522
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.027.062.488.434	3.477.764.113.595
Các khoản giảm trừ doanh thu	(10.627.487.114)	(5.518.719.463)
<i>Hàng bán trả lại</i>	<i>(10.627.487.114)</i>	<i>(5.518.719.463)</i>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.301.886.517.001</b>	<b>4.562.782.845.654</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	290.602.521.423	1.095.140.953.851
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.891.835.546.382	1.682.754.892.848
	<b>2.182.438.067.805</b>	<b>2.777.895.846.699</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, đầu tư trái phiếu	21.110.609.049	52.681.589.963
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.882.085.512	1.438.169.219
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.840.441	156.849.316
	<b>23.996.535.002</b>	<b>54.276.608.498</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.123.139.242	-
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	1.066.572.285	1.489.082.297
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.462.164.835	1.518.303.679
	<b>5.651.876.362</b>	<b>3.007.385.976</b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	290.602.521.423	1.095.140.953.851
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	304.937.427.524	294.121.619.868
Chi phí nhân công	643.539.819.436	530.083.805.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	375.191.647.954	313.614.677.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.533.494.994.851	1.319.547.475.549
Các chi phí khác bằng tiền	204.057.422.943	167.116.908.342
	<b>3.351.823.834.131</b>	<b>3.719.625.439.881</b>

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>968.611.530.393</b>	<b>894.458.524.840</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
- Thu nhập không chịu thuế	-	(4.133.276.225)
- Doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	(379.859.844.343)	(294.304.053.245)
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện chuyển sang	62.987.222.940	27.053.991.787
- Chuyển lỗ	-	(6.581.596.603)
- Chi phí không được khấu trừ	1.661.736.593	2.025.620.111
- Doanh thu đã phát hành hóa đơn nhưng chưa thực hiện	578.323.807.126	366.748.354.893
- Giá vốn tương ứng doanh thu chưa thực hiện	(110.374.426.704)	(71.127.378.389)
- Khoản điều chỉnh khác	(27.533.106.754)	27.411.126.217
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.093.816.919.251</b>	<b>941.551.313.386</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	10% và 25%	10% và 25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>263.147.428.008</b>	<b>219.892.870.182</b>
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ (ii)	(34.869.028.670)	(56.771.985.053)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>228.278.399.338</b>	<b>163.120.885.129</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (iii)</b>	<b>(29.106.347.177)</b>	<b>(8.702.727.696)</b>
	<u><b>199.172.052.161</b></u>	<u><b>154.418.157.433</b></u>

- (i) Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT và Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 10% lợi nhuận chịu thuế. Công ty và các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.
- (ii) Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trừ là khoản ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN tại Công ty Cổ phần Viễn thông FPT Tân Thuận (Dự án Tân Thuận), Công ty TNHH MTV Giải pháp phần mềm doanh nghiệp FPT và Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT.
- (iii) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho kỳ hiện tại.

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	724.913.761.839	667.377.987.349
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	99.676.352	99.631.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	7.273	6.698

## 24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

### Cam kết đầu tư:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản cam kết đầu tư vào dự án cáp quang biển châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là Dự án APG) thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh cùng với Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel Group) và Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC. Đây là dự án xây dựng mạng cáp quang biển kết nối các nước trong khu vực châu Á (Việt Nam, Nhật Bản, Hồng Kông, Trung Quốc, Singapore, Malaysia, Đài Loan, Hàn Quốc và Thái Lan). Viettel Telecom là đại diện tham gia dự án này. Theo đó, Công ty cam kết góp vốn với tổng số tiền dự kiến là 10 triệu USD tương đương với 25% vốn góp của Viettel Telecom tại dự án này. Số tiền góp vốn sẽ được đóng theo tiến độ thực hiện của dự án và thông báo của Viettel Telecom. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 số vốn góp thực tế của Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh này là 5.467.692,7 USD tương đương 115.159.526.748 VND.

### Các khoản cam kết thuê hoạt động:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	50.689.875.467	48.081.125.608
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	126.108.947.565	98.097.469.473
Sau năm năm	51.008.207.941	9.673.738.625
	<b><u>227.807.030.973</u></b>	<b><u>155.852.333.706</u></b>

## 25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### **Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn, cổ phiếu quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh 4.

### **Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	349.356.715.281	354.218.442.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	461.971.864.346	365.231.889.704
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn	11.065.327.543	11.065.327.543
Tài sản tài chính khác	5.646.387.344	8.583.406.119
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>832.040.294.514</u></b>	<b><u>743.099.066.199</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	473.316.927.234	341.603.521.322
Chi phí phải trả	144.836.478.829	100.910.851.018
Công nợ tài chính khác	184.612.384	91.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>618.338.018.447</u></b>	<b><u>442.605.372.340</u></b>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	46.177.242.205	112.767.258.470	119.105.546.124	58.110.845.925
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	-	-	249.137.041	172.509.918

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**
**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	349.356.715.281	-	-	349.356.715.281
Phải thu khách hàng và phải thu khác	445.495.364.337	16.476.500.009	-	461.971.864.346
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	11.065.327.543	-	11.065.327.543
Tài sản tài chính khác	2.129.096.755	3.517.290.589	-	5.646.387.344
<b>Tổng cộng</b>	<b>800.981.176.373</b>	<b>31.059.118.141</b>	<b>-</b>	<b>832.040.294.514</b>
<b>31/12/2013</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	473.316.927.234	-	-	473.316.927.234
Chi phí phải trả	144.836.478.829	-	-	144.836.478.829
Công nợ tài chính khác	-	184.612.384	-	184.612.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>618.153.406.063</b>	<b>184.612.384</b>	<b>-</b>	<b>618.338.018.447</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>182.827.770.310</b>	<b>30.874.505.757</b>	<b>-</b>	<b>213.702.276.067</b>
	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 - 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	354.218.442.833	-	-	354.218.442.833
Phải thu khách hàng và phải thu khác	339.761.117.196	25.470.772.508	-	365.231.889.704
Đầu tư ngắn hạn	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	6.000.000.000	5.065.327.543	11.065.327.543
Tài sản tài chính khác	4.952.712.073	3.630.694.046	-	8.583.406.119
<b>Tổng cộng</b>	<b>702.932.272.102</b>	<b>35.101.466.554</b>	<b>5.065.327.543</b>	<b>743.099.066.199</b>
<b>31/12/2012</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	341.603.521.322	-	-	341.603.521.322
Chi phí phải trả	100.910.851.018	-	-	100.910.851.018
Công nợ tài chính khác	-	91.000.000	-	91.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>442.514.372.340</b>	<b>91.000.000</b>	<b>-</b>	<b>442.605.372.340</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>260.417.899.762</b>	<b>35.010.466.554</b>	<b>5.065.327.543</b>	<b>300.493.693.859</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần FPT - Công ty mẹ</b>		
Chia cổ tức bằng tiền	181.376.707.500	141.070.772.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	8.848.153.297	9.899.035.911
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	43.631.184.001	39.644.450.155
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.703.963.895	1.274.111.560
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	21.344.335.559	804.625.927
<b>Công ty TNHH Phần mềm FPT (FSO)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.779.178.983	609.990.955
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	4.235.128	10.429.174.493
<b>Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT (FIS)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.096.526.654	7.830.580.559
Mua tài sản cố định, hàng hóa và dịch vụ	26.899.813.488	30.326.941.778
<b>Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.374.040.431	858.337.027
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.405.595.354	2.202.615.038
<b>Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	5.760.833.120
<b>Công ty TNHH Sản phẩm Công nghệ FPT (FTP)</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.935.982.302	4.130.597.272

Số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		
Gửi tiền vào tài khoản tập trung của Công ty Cổ phần FPT	15.208.258.175	95.281.724.840
<b>Công nợ phải thu</b>		
Công ty Cổ phần FPT - phải thu khác	1.183.926.343	184.637.450
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	895.719.028	1.569.036.701
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	183.216.057	338.581.100
<b>Phải trả</b>		
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần FPT- Hàng hóa dịch vụ	48.350.664.435	31.014.057.047
Công ty Cổ phần FPT - Cổ tức phải trả	40.305.935.000	-
Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT	-	962.674.680
Công ty TNHH Phần mềm FPT	1.002.217.488	4.350.191.424
Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)	207.355.144	102.135.265
Công ty TNHH Dịch vụ tin học FPT	-	268.293.644
Công ty TNHH Thương mại FPT (FTG)	1.528.663.375	-



**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

Ngày 27 tháng 02 năm 2014



Đỗ Thị Hương  
Kế toán trưởng



Vũ Thị Mai Hương  
Phó Tổng Giám đốc



## **CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN**

### **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)**

Tỷ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Viễn thông FPT: 50,16%.

**Trụ sở chính:** Tầng 23 - 24 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Telephone: 84 4 3824 0703

Fax: 84 4 6278 0136

**Chi nhánh miền Nam:** Số 16, Trương Định, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Telephone: 84 8 3933 3818

Fax: 84 8 3933 3822

**Chi nhánh miền Trung:** Tầng 6, Tòa nhà Indochina Riverside, 74 Bạch Đằng, Đà Nẵng

Telephone: 84 0511 366 4555

Fax: 84 0511 366 4557

## CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

### **CÔNG TY TNHH VIỄN THÔNG QUỐC TẾ FPT (FPT TELECOM INTERNATIONAL)**

**Tại Hà Nội:**

48 Vạn Bảo, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 7300 2222  
Fax: (84-4) 3726 4648

**Tại TP HCM:**

68 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 73002222  
Fax: (84-8) 6297 1197  
Website: [www.fti.fpt.vn](http://www.fti.fpt.vn)

### **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT (FPT ONLINE)**

**Tại Hà Nội:**

Tầng 3 - 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 7300 9999  
Fax: (84-4) 3538 00001

**Tại TP HCM:**

408 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84-8) 7300 9999  
Fax: (84-8) 3929 1758  
Website: [www.fptonline.net](http://www.fptonline.net)

### **CÔNG TY TNHH MTV VIỄN THÔNG FPT TÂN THUẬN**

Lô 37-39A, đường 19 Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-8) 7300 2222  
Fax: (84-8) 7300 8889

### **CÔNG TY TNHH MTV GIẢI PHÁP PHẦN MỀM DOANH NGHIỆP FPT (FSS)**

153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-8) 7300 2222  
Fax: (84-8) 7300 8889

# DANH BẠ CÔNG TY



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG FPT (FPT TELECOM)**

Trụ sở chính: Tầng 2, tòa nhà FPT Cầu Giấy, Lô 2B đường Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Văn phòng HCM: Lô 37-39A, Tòa nhà FPT, Đường số 19, Khu chế xuất Tân Thuận, Tp. HCM

Điện thoại: (84-4) 7300 2222

Fax: (84-4) 7300 8889

Website: [www.fpt.vn](http://www.fpt.vn)

KHU VỰC MIỀN BẮC		
STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Hà Nội	48 Vạn Bảo, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội
		59 Nguyễn Công Trứ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
		481 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
		402 Xã Đàn (đường Kim Liên mới), Quận Đống Đa, Hà Nội
		25 Khu nhà ở Bắc Hà, Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Hà Nội
		339 Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, Hà Nội
		124 Cao Lỗ, Xóm Hậu, Xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh
		51 Tây Cao Tốc, Đội 6, Thôn Bàu, Huyện Đông Anh
		409 Chùa Thông, Phường Sơn Lộc, Thị xã Sơn Tây
		Km 17, Quốc lộ 32, Thôn Cao Trung, Huyện Hoài Đức
		55 Hòa Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ
		Km7, Quốc lộ 21b, Phố Bình Đà, Huyện Thanh Oai
59 Trần Phú, Thị trấn Thường Tín, Huyện Thường Tín		
2	Hải Phòng	186 Văn Cao, Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
3	Hải Dương	12 Tuy Hòa, Phường Trần Phú, Tp. Hải Dương
4	Nghệ An	28 Lê Lợi, Phường Hưng Bình, Tp. Vinh
5	Bắc Ninh	Số 74 Hai Bà Trưng, Phường Suối Hoa, Tp. Bắc Ninh
6	Thái Nguyên	156 Lương Ngọc Quyến, Phường Quang Trung, Thái Nguyên
7	Nam Định	312 Trần Hưng Đạo, Phường Bà Triệu, Tp. Nam Định
8	Thanh Hóa	108 Cao Thắng, Phường Lam Sơn, Tp. Thanh Hóa
9	Quảng Ninh	85 Kênh Liêm, Phường Bạch Đằng, Tp. Hạ Long
10	Thái Bình	292 Trần Thái Tông, Phường Tiên Phong, Tp. Thái Bình
11	Bắc Giang	47 Ngô Gia Tự, Phường Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang
12	Vĩnh Phúc	120 Mê Linh, Phường Đống Đa, Tp. Vĩnh Yên
13	Phú Thọ	1121 Đại lộ Hùng Vương, Phường Tiên Cát, Tp. Việt Trì
14	Hung Yên	Số 6, Đường 196 Phố Nối, Thị trấn Bần Yên Nhân, Mỹ Hào
15	Hà Tĩnh	16 Nguyễn Công Trứ, Phường Nam Hà, Tp. Hà Tĩnh
16	Hà Nam	132 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng, Tp. Phủ Lý
17	Ninh Bình	40 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đông Thành, Tp. Ninh Bình
18	Lạng Sơn	312 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, Tp. Lạng Sơn
19	Lào Cai	228 Hoàng Liên, Phường Cốc Lếu, Tp. Lào Cai
20	Yên Bái	822 Điện Biên, Phường Minh Tân, Tp. Yên Bái
21	Sơn La	8 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quyết Thắng, Tp. Sơn La
22	Điện Biên	584 Đường 7-5, Phường Tân Thanh, Tp. Điện Biên Phủ

**KHU VỰC MIỀN TRUNG**

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Đà Nẵng	182-184 Đường 2/9, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
2	Khánh Hòa	176 Trần Quý Cáp, Phường Phương Sài, Tp. Nha Trang
3	Đắk Lắk	96 Phan Chu Trinh, Phường Thắng Lợi, Tp. Buôn Ma Thuột
4	Huế	46 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Ninh, Tp. Huế.
5	Bình Định	94 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, Tp. Quy Nhơn
6	Phú Yên	A11 Khu Đô Thị Hưng Phú, Đường Trần Phú, Tp. Tuy Hòa
7	Gia Lai	67 Tăng Bạt Hổ, Phường Yên Đỗ, Tp. Pleiku

8	Quảng Nam	540 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Tp. Hội An
9	Quảng Trị	159 Quốc lộ 9, Phường 5, Tp. Đông Hà
10	Quảng Bình	22 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Phú, Tp. Đồng Hới
11	Quảng Ngãi	247 Phan Bội Châu, Phường Trần Hưng Đạo, Quảng Ngãi
12	Kon Tum	128 Phan Chu Trinh, Phường Quyết Thắng, Tp. Kon Tum

**KHU VỰC MIỀN NAM**

STT	Chi nhánh	Địa chỉ
1	Hồ Chí Minh	Lô 37-39A, Đường số 19, KCX Tân Thuận, Tp. HCM
		20 Phan Đình Giót, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. HCM
		124 Sương Nguyệt Ánh, Phường Bến Thành, Q1, Tp. HCM
2	Bình Dương	217B Yersin, Phường Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một
3	Đồng Nai	196 Hà Huy Giáp, Phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa
4	Vũng Tàu	408B Lê Hồng Phong, Phường Thắng Tam, Tp. Vũng Tàu
5	Cần Thơ	190E Đường 30/4, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
6	Kiên Giang	259 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá
7	Bình Thuận	07 Tuyên Quang, Phường Bình Hưng, Tp. Phan Thiết
8	An Giang	187 Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên
9	Lâm Đồng	38C Trần Phú, Phường 4, Tp. Đà Lạt
10	Tiền Giang	79 Lý Thường Kiệt, Phường 5, Tp. Mỹ Tho
11	Cà Mau	55 Trần Hưng Đạo, Khóm 4, Phường 5, Tp. Cà Mau
12	Đồng Tháp	4 Lý Thường Kiệt, Phường 1, Tp. Cao Lãnh
13	Vĩnh Long	68/11A Phạm Thái Bường, Phường 4, Tp. Vĩnh Long
14	Tây Ninh	565-567 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 3, Thị xã Tây Ninh
15	Bến Tre	11 Hai Bà Trưng, Phường 1, Tp. Bến Tre
16	Long An	142 Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An
17	Sóc Trăng	33 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Tp. Sóc Trăng
18	Ninh Thuận	256 Ngô Gia Tự, Phường Tấn Tài, Phan Rang-Tháp Chàm
19	Hậu Giang	10 Ngô Quốc Trị, Phường 5, Tp. Vị Thanh
20	Bạc Liêu	B15, Khu trung tâm Thương mại, Phường 3, Tp. Bạc Liêu